

ACADEMIC FREEDOM IN HIGHER EDUCATION

Hoang Thanh Tam*, Nguyen Thi Ngoc Lan

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	01/8/2023	Academic freedom is a component of university autonomy. After the Higher Education Law added “Academic autonomy and professional activities” (2018), the issue of academic autonomy began to be a source of concern for teachers, with many disagreements. Understanding the intrinsic nature of academic freedom in higher education is of great significance to the construction and development of modern higher education in our country. This article analyzes academic freedom from the perspective of the university's historical development, using methods of historical research, collection, synthesis, and analysis of documentation. The research focuses on clarifying the conceptual nature of academic freedom in universities from a historical perspective, the role of scientific freedom in the development of the modern Vietnamese education system, and offering some ideas to ensure the right to academic liberty in the innovation of higher education in our country.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Higher Education Law		
Autonomy		
Academic freedom		
University autonomy		
Higher Education		

TỰ DO HỌC THUẬT TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Hoàng Thanh Tâm*, Nguyễn Thị Ngọc Lan

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	01/8/2023	Tự do học thuật là một thành tố của tự chủ đại học. Sau khi Luật giáo dục đại học bổ sung “Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn” (2018), vấn đề tự chủ học thuật bắt đầu được các giảng viên quan tâm với nhiều ý kiến bất đồng. Việc tìm hiểu nội hàm, bản chất của tự do học thuật trong giáo dục đại học có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục đại học hiện đại ở nước ta. Bài viết này phân tích nội hàm tự do học thuật từ góc độ lịch sử phát triển của đại học nên sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu. Kết quả nghiên cứu tập trung làm rõ bản chất khái niệm của tự do học thuật trong trường đại học từ góc nhìn lịch sử, vai trò của tự do học thuật với sự phát triển của hệ thống giáo dục Việt Nam hiện đại và đưa ra một vài ý kiến để đảm bảo quyền tự do học thuật trong đổi mới giáo dục đại học ở nước ta.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Luật giáo dục đại học		
Quyền tự chủ		
Tự do học thuật		
Tự chủ đại học		
Giáo dục đại học		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8465>

* Corresponding author. Email: tamht@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Nếu tính từ khi Đại học Đông Dương được người Pháp thiết lập ở Việt Nam (năm 1907), giáo dục đại học hiện đại đã có lịch sử hơn 100 năm. Còn tính từ khi chính quyền nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà quản lý và phát triển hệ thống đại học (từ năm 1945) thì lịch sử giáo dục đại học ở nước ta đã gần 80 năm. Trong tiến trình phát triển của mình cho đến nay, giáo dục đại học Việt Nam đã được mở rộng về quy mô tổ chức và có nhiều tiến bộ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Về mặt quản lý, từ chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, các trường đại học đã dần được trao quyền tự chủ, thể hiện qua các văn bản pháp quy của Nhà nước. Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục là xu thế thay đổi tất yếu của giáo dục đại học Việt Nam để đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá và hội nhập quốc tế hiện nay. Đồng thời, nó cũng tạo điều kiện thúc đẩy nền giáo dục đại học của nước ta phát triển, tăng vị thế trong bản đồ đại học thế giới. Bàn luận về tự chủ đại học, chúng ta thường phân tích các thành tố của nó bao gồm tự do học thuật, tự chủ về tổ chức và quản lý, tự chủ về tài chính. Trong nội dung giới hạn của bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích yếu tố tự chủ học thuật trong tự chủ đại học, yếu tố được cho là có tính cốt lõi, là “ý nghĩa cơ bản của tự chủ đại học” [1], là “bản chất tự nhiên của các đại học” [2].

Trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, vấn đề tự do học thuật được quy định trong: *Điều 25 Hiến pháp năm 2013*, ghi nhận: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. [3]; *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*, ngày 19 tháng 11 năm 2018: Khoản 3 Điều 32 về “Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn”, Khoản 7 Điều 54 về “Giảng viên” [4]; *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP* ngày 30 tháng 12 năm 2019: Khoản 1, Điều 13 về nội hàm quyền tự chủ học thuật và hoạt động chuyên môn [5]. Về cơ bản, trên cơ sở pháp lý, *quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn* bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và giảng viên được “Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội” [4]. Theo đó, quyền tự do học thuật gắn quyền tự do ngôn luận của nhà giáo trong một khuôn khổ quy định và liên quan đến tự chủ đại học.

Bên cạnh các văn bản pháp quy, vấn đề tự do học thuật cũng đã được một số tác giả nghiên cứu, công bố trên các tạp chí có thể kể đến: *Tự chủ, tự do học thuật và trách nhiệm giải trình của đại học ở Việt Nam* của Lâm Quang Thiệp, 2016 [6]; *Tự do học thuật trong các trường đại học ở Mỹ và Nhật Bản: Một vài gợi ý cho Việt Nam* của Bùi Thị Minh Phượng, Lưu Thị Thu Thủy, 2018 [7]; *Tự chủ và tự do học thuật trong GDDH Việt Nam* của Đỗ Thị Ngọc Quyên, 2019 [8]; *Quyền tự do học thuật trong giáo dục đại học* của Bùi Tiến Đạt, 2020 [3]. Trong các nghiên cứu này, các vấn đề cơ bản như khái niệm tự do học thuật, quyền pháp lý của tự do học thuật, tầm quan trọng thiết yếu của tự do học thuật đối với giáo dục đại học đã được phân tích sâu, chi tiết từ nhiều hướng tiếp cận. Trên cơ sở phân tích các vấn đề lí luận cơ bản đó, các tác giả đã đề xuất một số ý kiến gợi ý, khuyến nghị nhằm bảo đảm quyền tự do học thuật trong giáo dục đại học ở Việt Nam.

Bên cạnh các bài viết chuyên sâu kể trên, tự do học thuật cũng được đề cập đến trong các nghiên cứu tổng quát tại hội nghị giáo dục quốc gia về tự chủ đại học, như: *Đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam* của Lê Đức Ngọc, Phạm Hương Thảo, 2016 [2]; *Các cách tiếp cận khác nhau về xác lập quyền tự chủ của đại học ở Việt Nam* của Vũ Cao Đàm, Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2019 [1]; *Chính sách tự chủ đại học của nhà nước và năng lực thực tế của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam hiện nay* của Nguyễn Mậu Hùng, 2020 [9]; *Một số giải pháp đẩy nhanh quá trình tự chủ trong giáo dục đại học công lập ở Việt Nam hiện nay* của Chu Thị Thanh Tâm, 2020 [10]. Các nghiên cứu này, chủ yếu đánh giá thực trạng thực hiện tự chủ đại học trong giáo dục đại học Việt Nam, trong đó tự do học thuật được nhắc đến với vai trò là một thành phần của tự chủ đại học.

Có thể thấy, nghiên cứu về vấn đề tự chủ học thuật trong giáo giới nước ta có số lượng khiêm tốn, nội dung đơn giản, chủ yếu tìm hiểu về quan niệm, khái niệm tự do học thuật ở trong nước và thế giới, cơ sở pháp lý của tự do học thuật ở Việt Nam. Do đó, nhận thức về tự do học thuật cũng còn nhiều khiếm khuyết, đơn cử việc nhận thức bản thân khái niệm “tự do học thuật” cũng còn đang gây nhiều tranh cãi ở Việt Nam [7].

Với mục đích khẳng định tầm quan trọng của tự chủ học thuật trong đổi mới giáo dục đại học, chúng tôi quan tâm đến tính lịch sử của tự do học thuật trong quá trình phát triển của thể chế đại học, vai trò của tự do học thuật trong sự tồn tại và phát triển của trường đại học hiện đại. Do đó ngoài kế thừa các kết quả của những nghiên cứu đã có, bài viết còn sử dụng thêm các tài liệu có liên quan đến lịch sử GĐH làm tư liệu nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết là phương pháp nghiên cứu lý thuyết, trong đó bao gồm phương pháp lịch sử và phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết. Cụ thể, chúng tôi tham khảo và tổng hợp các sách, bài báo, bài viết hội nghị (dạng văn bản hoặc điện tử) có từ khoá “tự do học thuật”, sau đó tiến hành sàng lọc, thu gọn và phân tích các nội dung có ý nghĩa với mục tiêu nghiên cứu. Việc phân tích các dữ liệu liên quan là cơ sở để sắp xếp và liên kết các thông tin thu được, hình thành tính logic của bài viết, xây dựng tính hệ thống về chủ đề nghiên cứu. Với phương pháp lịch sử, chúng ta đều biết, đại học là một trường học đặc biệt, một “định chế giáo dục cao”, là nơi tập hợp tự nguyện của các nhà khoa học, giáo viên và sinh viên cùng nhau sáng tạo ra tri thức dẫn dắt sự phát triển của xã hội. Với tư cách là một hệ thống giáo dục, đại học có lịch sử phát triển của nó, có bản chất độc đáo và tuân theo những triết lý định hướng mang tính cố hữu. Tự do học thuật là một yếu tố của đại học. Yếu tố lịch sử được nghiên cứu trong bài viết xuất phát từ việc phân tích nội hàm tự do học thuật từ góc độ lịch sử phát triển của đại học, lịch sử thay đổi cơ chế quản lý đại học ở Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tự do học thuật trong giáo dục đại học từ góc nhìn lịch sử

Đại học với tư cách là một hệ thống đại học hoặc một khái niệm về quản lý đại học, bắt đầu thiết lập từ thời Trung cổ, dưới hình thức “một tập thể”, “một tổ chức” tự phát của một cộng đồng thầy và trò, có mục đích nghiên cứu khoa học và bảo vệ quyền lợi lẫn nhau [11, tr.28]. Thời kỳ này, đại học là một đoàn thể có tính chất tự chủ. Các trường đại học thành lập không cần sự cho phép hay phê chuẩn từ nhà thờ hay nhà vua [11, tr. 37]. Để bảo vệ quyền tự chủ của mình trước sự xâm phạm từ bên ngoài, các thành viên đại học lựa chọn bỏ đi nơi khác để thành lập đại học mới [11, tr. 30]. Dù có mức độ tự chủ cao, nhưng các trường đại học thời trung cổ, mức độ tự do học thuật lại không cao, bởi vì dưới sự thống trị của “hệ thống chân lý thống nhất của giáo hội”, lý trí của con người chỉ có thể hoạt động trong phạm vi do giáo hội quy định. Bất kỳ nghiên cứu nào vượt qua khuôn khổ của thần học chính thống sẽ bị coi là dị giáo và bị đàn áp, do đó các học giả không có nhiều tự do học thuật để nói. Nhưng nó cũng không đồng nghĩa là không tồn tại tự do học thuật. Với mục tiêu tìm tòi chân lý, nâng cao nhận thức và tri thức, tính hữu ích của các đại học dần hiển lộ và được các thế lực quyền lực thế tục thừa nhận. Các nhà nước dựa vào kiến thức và đội ngũ tri thức mà đại học tạo ra để củng cố vị thế, thiết lập uy tín. Còn đại học cần sự bảo trợ chính trị và hỗ trợ tài chính từ nhà nước và nhà thờ để duy trì và phát triển. Mối quan hệ giữa nhà nước – nhà thờ – đại học hình thành. Trong mối quan hệ ấy, trường đại học được hưởng đặc quyền tự trị. Các trường đại học thời trung cổ có tư cách pháp nhân thông qua điều lệ, việc thiết lập tư cách pháp nhân khiến trường đại học không bị nhà nước, nhà thờ và các tổ chức pháp nhân khác can thiệp, đồng thời đảm bảo các công việc của trường đại học được điều hành một cách độc lập [12]. Quyền tự chủ và tự trị của trường đại học đã loại bỏ các yếu tố từ bên ngoài can thiệp vào trường học, cung cấp một sự đảm bảo nhất định để trường đại học thực hiện công việc nghiên cứu và giảng dạy một cách độc lập. Như vậy, quyền tự chủ là cơ sở duy trì sự độc lập

về học thuật ở một mức độ nhất định trong môi trường xã hội lúc bấy giờ. Đồng thời, nó cũng cho phép các học giả tham gia vào nghiên cứu học thuật với một mức độ tự do nhất định. Tinh thần tự chủ là mầm mống của tự do học thuật.

Năm 1810, Đại học Berlin (đại học Humboldt) ra đời, quyền tự do học thuật lần đầu tiên được khẳng định trong nguyên lý “Tự do dạy, tự do học” của đại học. “Tự do dạy” và “tự do học” là hai phương diện của tự do học thuật. Trong đó, “tự do dạy” là quyền của người thầy, được hưởng quyền tự do nghiên cứu và giảng dạy những điều mình tin tưởng. Quyền này không chịu bất kỳ hạn chế nào, không phải tuân theo mệnh lệnh của bất kỳ cơ quan quyền lực nào và không chịu sự can thiệp của chính trị, đảng phái hay dư luận xã hội. “Tự do học” có nghĩa là dưới phương pháp hướng dẫn đúng đắn của giáo sư, sinh viên có quyền tự do thảo luận, nghi ngờ, không đồng ý và phê phán cơ quan có thẩm quyền trong việc học tập chuyên nghiệp, và có quyền chọn giáo viên và những gì học hỏi [13]. Để đảm bảo quyền tự do học thuật thực sự được thực thi, nước Đức đã đưa quyền tự do học thuật vào *Hiến pháp* đầu tiên của mình (năm 1850), Điều 20: “Khoa học và sự giảng dạy của nó là tự do”, thể chế hóa quyền tự do học thuật. Một trăm năm sau, *Hiến pháp* của Cộng hòa Liên bang Đức tiếp tục ghi nhận: “Nghệ thuật và Khoa học, cũng như nghiên cứu và giảng dạy là tự do”. Quyền tự do này tiếp tục được *Hiến chương đại học châu Âu* năm 1988 công nhận: “Tự do cho nghiên cứu, giảng dạy và cho đào tạo là nền tảng của mọi hoạt động đại học.” [11, tr. 78]. Cho đến nay, quyền tự do học thuật đã được công nhận và thể chế hoá ở nhiều quốc gia. Với tư cách là một khái niệm học thuật, tự do học thuật được giới học giả định nghĩa khác nhau trong các văn bản pháp quy của các nước. Từ các định nghĩa về tự do học thuật của học giả trên thế giới, những vấn đề chung về tự do học thuật được giới định như sau: *Thứ nhất*, Quyền tự do học thuật chủ yếu áp dụng cho hoạt động học thuật của trường đại học; *Thứ hai*, Quyền tự do học thuật chủ yếu dành cho giảng viên và sinh viên đại học; *Thứ ba*, Phạm vi của tự do học thuật là giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong trường đại học, cụ thể bao gồm quyền tự chủ trường học, quyền tự do nghiên cứu, quyền tự do giảng dạy, quyền tự do học tập, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do biểu đạt, tự do xuất bản,...; *Thứ tư*, Mục đích của tự do học thuật là tránh sự can thiệp từ các yếu tố bên ngoài, để tập trung cao độ vào hoạt động khám phá và truyền bá chân lý [14], [3]. Trong tài liệu “*Khuyến nghị về vai trò của giảng viên đại học*” của UNESCO, tự do học thuật được phân tích ở sáu khía cạnh: một là, tự chủ của tổ chức; hai là, trách nhiệm giải trình của tổ chức; ba là quyền và tự do cá nhân; bốn là, tự quản trị và quyền tham gia; năm là, nghĩa vụ và trách nhiệm của giảng viên; sáu là, bảo đảm nghề nghiệp. Theo đó, quyền tự do học thuật là quyền của nhà giáo của mọi cấp bậc giáo dục và nói rộng ra là quyền của mỗi cá nhân, tổ chức giáo dục, nghiên cứu chứ không chỉ gắn với đại học [3].

Từ góc độ lịch sử phát triển của đại học, tự do học thuật là một hệ thống nền tảng của tổ chức đại học, nó được thể hiện và công nhận bởi các cơ sở pháp lý. Cùng với tự chủ đại học, chức năng của tự do học thuật là để phát triển các trường đại học. Một mức độ tự do học thuật nhất định là điều kiện cần thiết để phát huy đầy đủ vai trò của trường đại học. Khi Đại học Berlin được thành lập vào thế kỷ 19, nhà nước cung cấp đủ kinh phí cho trường đại học, đảm bảo quyền tự do giảng dạy, nghiên cứu và học tập của trường. Ngược lại đại học Berlin phải phục vụ đất nước khắc phục hậu quả, bù đắp tổn thất vật chất cho nước Phổ trong Chiến tranh Pháp - Phổ. Thành công của Đại học Berlin cùng với mô hình đại học ở Anh và Mỹ có nguồn gốc từ nó đã cung cấp một quy luật cho sự tồn tại và phát triển của các trường đại học trên thế giới, đó là không phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, trường đại học nào tuân thủ quy tắc tự chủ đại học và tự do học thuật trong điều hành trường thì đều thành công. Do đó, tự chủ đại học và tự do học thuật đã trở thành xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển đại học. Đại học ở Việt Nam muốn đổi mới và thành công cũng cần tuân theo quy luật này, phải đảm bảo quyền tự do học thuật trong hệ thống tổ chức của mình.

3.2. Vấn đề tự do học thuật trong đổi mới giáo dục đại học Việt Nam hiện nay

Từ góc độ lịch sử quản lý GDĐH, vấn đề đảm bảo tự do học thuật trong trường đại học nước ta thực hiện khá muộn. Trong thời kỳ thuộc địa, sự ra đời của trường Đại học Đông Dương là sự

khởi đầu của GDĐH ở Việt Nam theo nghĩa hiện đại. Nhưng ý nghĩa thành lập và tồn tại của Đại học Đông Dương không phải là một trường đại học của Việt Nam, mà là một công cụ chính trị để thực dân Pháp áp đặt chế độ thực dân. Và dĩ nhiên tính tự chủ hay tự do học thuật trong đại học này không thuộc thẩm quyền của chúng ta. Từ năm 1955, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập hệ thống GDĐH theo mô hình GDĐH của Liên Xô. Cơ sở kinh tế của GDĐH là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung cao độ. Cơ chế quản lý các trường đại học này là quản lý hành chính tập trung (cơ chế bao cấp). Các trường đại học được Nhà nước thành lập với tư cách là một đơn vị sự nghiệp trong hệ thống quản lý Nhà nước, toàn bộ quá trình hoạt động được Nhà nước quản lý và cấp kinh phí, các trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch được Nhà nước giao, và phải tuân theo các quy định, tiêu chuẩn do Nhà nước ban hành [15]. Trong cơ chế bao cấp, để đảm bảo yêu cầu thống nhất, Nhà nước thực thi “chính sách đơn nhất”: đơn nhất một loại hình trường (trường công thuộc sở hữu của nhà nước) và ban hành một loại chương trình thống nhất, xuất bản một giáo trình [16]. Như vậy, tự do học thuật chưa được đảm bảo trong đại học ở thời kỳ này. Sau cải cách mở cửa, trước sức ép của nền kinh tế thị trường, cơ chế quản lý GDĐH ở nước ta đã thay đổi từ cơ chế quản lý tập trung sang cơ chế quản lý tự chủ, trong đó nhà nước chỉ quản lý vĩ mô, các trường đại học được giao quyền tự chủ cả về chuyên môn, tổ chức nhân sự, tài chính và tăng cường trách nhiệm giải trình. Kể từ thời kỳ này, các khái niệm tự chủ đại học, tự do học thuật mới bắt đầu được chú ý ở nước ta và được bảo vệ trên cơ sở pháp luật khi Luật giáo dục đại học 2012 (có sửa đổi, bổ sung năm 2018) được ban hành. Cụ thể, giảng viên được “tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học” (Khoản 6, Điều 55) [17] và “độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội” (Khoản 7, Điều 55) [4]. So với lịch sử GDĐH phương Tây, nơi mà tự chủ đại học và tự do học thuật đã trở thành một khái niệm học thuật và được thể chế hoá, thì ở nước ta việc bảo đảm quyền tự do học thuật trong thực tế điều hành trường đại học mới chỉ bắt đầu. Việc thực hiện tự do học thuật ở nước ta hiện nay cũng còn nhiều vướng mắc.

Từ thực tiễn hoạt động trong các trường đại học, chức năng nhiệm vụ cơ bản của cơ sở giáo dục đại học ở nước ta hiện nay chủ yếu là đào tạo chuyên ngành, là nơi đào tạo sinh viên tốt nghiệp để đi làm [18], tức là chỉ chú trọng hoạt động giáo dục. Vì các trường vẫn chỉ tập trung vào nhiệm vụ giảng dạy là chính nên các nội dung quản lý trường học nói chung, đặc biệt là quản trị đội ngũ nhân sự của trường nói riêng, cũng tập trung vào nhiệm vụ này [19]. Hơn nữa, thực tế hoạt động nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau kể cả trường công lẫn trường tư còn yếu cả về chất lượng và số lượng, mục tiêu tìm tòi tri thức, tìm kiếm những giá trị học thuật thực sự mang tính bản sắc đại học chưa được chú trọng và thiếu thống nhất với hoạt động giảng dạy. Đặc biệt, ảnh hưởng tư duy quản lý tập trung vẫn còn, dẫn tới trong vấn đề nghiên cứu học thuật vẫn còn sự giám sát, quản lý chặt chẽ. Đặc biệt, ở một số ngành, lĩnh vực còn hiện tượng “vùng hạn chế”, chưa được thực sự “tự do”, nhất là các ngành liên quan đến khoa học xã hội, ngoại giao và chính trị [20]. Thêm nữa, trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các trường đại học ngày càng chịu nhiều ảnh hưởng từ yếu tố bên ngoài, đặc biệt là sức ép về tài chính, sự eo hẹp về kinh phí khiến các trường đại học nước ta vừa phải chịu sức ép từ Chính phủ, vừa chịu sức ép từ thị trường. Để tồn tại và thu hút đầu tư, các trường đại học thực hiện nghiên cứu theo định hướng nhu cầu của thị trường, của các dự án khiến cho việc lựa chọn và phát triển học thuật ở đại học bị ảnh hưởng.

Từ mối quan hệ của tự chủ đại học và tự do học thuật, trong lịch sử phát triển của đại học, tự chủ đại học và tự do học thuật là hai khái niệm song hành. Trong các trường đại học trung cổ, “tự do học thuật” thuộc phạm trù tự chủ đại học, chủ yếu bảo đảm quyền của người nghiên cứu và người học được tự nguyện tham gia hoạt động nghiên cứu và học tập. Ngày nay, tự chủ đại học đã trở thành cơ sở quan trọng để các trường đại học thực hiện tốt hơn chức năng xã hội, gánh vác trách nhiệm phát triển xã hội. Tuy nhiên, việc mở rộng tự chủ đại học không mang lại sự gia tăng tương ứng về tự do học thuật. Trong cơ chế quản lý tự chủ, Chính phủ tăng cường trách nhiệm giải trình và đánh giá hiệu quả chất lượng của các trường đại học. Quản trị GDĐH hiệu quả đã

trở thành mục tiêu theo đuổi của Chính phủ trong quản trị giáo dục đại học. Các trường đại học ngày càng được trao nhiều quyền tự chủ hơn trong việc điều hành nhà trường, nhưng dưới tác động của các yếu tố từ môi trường bên ngoài, các trường đại học đã dần bị chi phối bởi kinh tế và chính trị. Các trường dành quá nhiều năng lượng và nguồn lực cho các hoạt động xã hội không liên quan gì đến giáo dục và học thuật. Đặc biệt là hoạt động tự chủ tài chính đang gây ảnh hưởng đến tự do học thuật của giảng viên. Khiến quyền tự do của giáo viên và sinh viên đại học đã bị hạn chế ở một mức độ nhất định [21]. Với lý do ngân sách hạn hẹp, tuyển sinh kém, nguồn thu của nhà trường giảm, nhiều cơ sở đại học đã thực hiện giảm biên. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua hai năm học 2017-2018 và 2018-2019, tổng số cán bộ quản lý, giảng viên cơ hữu, nhân viên có sự thay đổi nhẹ, từ 84.071 người (năm học 2017-2018) xuống 83.587 người (năm học 2018-2019). Trong đó, số lượng giảng viên có số lượng thay đổi rõ nhất, từ 74.991 giảng viên giảm xuống còn 73.312 giảng viên. Trong tổng số giảng viên năm học 2018-2019, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ là 21.106 người (chiếm 28,8%); trình độ thạc sĩ là 44.705 người (chiếm 60,98%); trình độ đại học là 7.489 người (chiếm 10,2%); trình độ khác là 12 người (chiếm 0,02%) [22]. Số lượng giảng viên trình độ cao ít, khiến cho định mức giảng dạy của giảng viên tăng, cộng thêm giảng viên còn phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ quản lý hành chính, khiến chất lượng nghiên cứu cũng bị ảnh hưởng. Thêm nữa, thu nhập của cán bộ, giảng viên còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, chi phí cho việc nâng cao trình độ của giảng viên là không nhỏ cùng với áp lực đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục Đại học ngày càng cao để cạnh tranh tuyển sinh với các trường trong nước và quốc tế cũng tạo thành một áp lực mạnh mẽ đối với giảng viên, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu, thậm chí phát sinh những vấn đề về đạo đức học thuật, gian lận học thuật như: thuê viết báo, luận văn, mua bán các bài báo khoa học trong các trường đại học.

3.3. Đảm bảo ý thức và quyền tự do học thuật cho đổi mới giáo dục đại học Việt Nam

3.3.1. Vai trò của tự do học thuật với giáo dục đại học

Khi các trường đại học ra đời, tự chủ đại học và tự do học thuật được coi là cơ sở quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của các trường đại học. Từ đại học Berlin thành lập, quyền tự do học thuật trở thành nguyên tắc cơ bản trong điều hành một trường đại học. Và ngày nay, tự chủ đại học và tự do học thuật là điều kiện đột phá để phát triển các trường đại học hiện đại. Đặc trưng bản chất của trường đại học là sự thống nhất giữa nghiên cứu khoa học (học thuật) và đào tạo nhân lực (giảng dạy). Mục đích tồn tại và phát triển của đại học là tìm kiếm sự thật, chân lý khoa học và phát triển học thuật. Từ góc độ này tiếp cận, tự chủ học thuật có ý nghĩa cốt lõi trong cải cách và phát triển GDDH vì bản chất sự nghiệp của các trường đại học là đổi mới học thuật (đây là yêu cầu tất yếu của các trường đại học), nó đòi hỏi phải có bầu không khí, môi trường để độc lập tư duy, tự do thảo luận. Chỉ có tự chủ học thuật mới có thể phá bỏ nhiều hạn chế, vùng cấm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kế thừa và sáng tạo học thuật. Như vậy, tự do học thuật phải được bảo vệ về mặt thể chế trong tự chủ đại học. Trong nghiên cứu “Quyền tự do học thuật trong giáo dục đại học” công bố trên tạp chí Nghiên cứu Lập pháp năm 2020, tác giả Bùi Tiến Đạt cho rằng tự do học thuật là một đòn bẩy quan trọng trong cải cách giáo dục [3]:

“Tự do học thuật là đòn bẩy quan trọng của cải cách giáo dục. Công cuộc cải cách GDDH chỉ có thể thành công và các đại học Việt Nam chỉ có thể phát triển mạnh khi quyền tự do học thuật được đảm bảo theo những chuẩn mực chung của những nơi đã sản sinh các đại học hàng đầu thế giới”.

Chuẩn mực chung nhất của tự do học thuật là đảm bảo quyền tự do của giảng viên trong nghiên cứu và thảo luận học thuật, đảm bảo quyền tự do của người học trong lựa chọn các khóa học, môn học giảng viên và những quan điểm học thuật của họ. Như vậy, trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay, tự chủ học thuật phải là cốt lõi của tự chủ đại học, là linh hồn của sự phát triển giáo dục đại học, là bản chất nội tại mà các trường đại học cần xây dựng và phát triển.

3.3.2. Một vài ý kiến về đảm bảo quyền tự do học thuật trong đổi mới GDDH Việt Nam

Từ những phân tích phía trên có thể thấy, tự do học thuật là tiêu chí, giá trị cơ bản nhất của giáo dục đại học. Không có tự do học thuật, sự đổi mới sẽ bị đình trệ. Với tư cách là các tổ chức học thuật, các trường đại học có sứ mệnh phổ biến và khám phá tri thức tiên tiến. Tại phương Tây, tự do học thuật đã phát triển với một thời gian lịch sử lâu đời, trở thành một phần văn hoá nội tại của các trường đại học. Nhưng ở nước ta “tự do học thuật vẫn là một khái niệm xa lạ và hiếm khi được nhắc đến” [8]. Việc thiếu tự do học thuật dẫn đến những hạn chế trong phát triển giáo dục ở nước ta và khiến chất lượng giáo dục đại học nước ta kém các nước khác [3]. Như vậy muốn phát triển GDDH nước ta cần đảm bảo tự do học thuật là nòng cốt của tự chủ đại học. Các trường đại học cần xác định tự do học thuật là nội dung bản chất, là hệ thống nội bộ mà nhà trường cần xây dựng trong tiến trình phát triển của mình, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ quyền tự do học thuật bằng quyền tự chủ của trường đại học. Về vấn đề này, Tiến sĩ Bùi Tiến Đạt trong nghiên cứu “Quyền tự do học thuật trong giáo dục đại học” cho rằng “*nhà nước cần xây dựng khung pháp lý tốt cho tự chủ đại học và tự do học thuật*” [3]. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học nước ta hiện nay, việc xây dựng các chính sách và quy định để thực hiện quyền tự chủ của các trường đang hoạt động phải phản ánh các yêu cầu của tự do học thuật và luật hóa khái niệm tự do học thuật. Như vậy trước nhất, quyền tự do học thuật phải được đảm bảo về mặt thể chế hoá. Chỉ có như vậy, quyền tự do học thuật mới có tính hợp pháp, được xã hội công nhận và được quyền lực nhà nước duy trì. Bên cạnh đó, tự thân các trường đại học cũng cần chú trọng phát triển và nuôi dưỡng tinh thần tự do học thuật, để tự do học thuật trở thành ý thức độc lập của các học giả, trở thành một phần đạo đức, một tinh thần và thói quen học thuật của các học giả. Điều này cũng đồng nghĩa các trường đại học cần phải thiết lập hệ thống các quy chế cho phép và khuyến khích tự do học thuật, xây dựng tự do học thuật trở thành hệ thống bản chất của trường đại học. Như tác giả Đỗ Thị Ngọc Quyên từng ý kiến “*các trường đại học cần nghiên cứu, xây dựng các cơ chế cho phép và khuyến khích tự do học thuật như là một khía cạnh của tự chủ đại học để phát huy tốt nội lực của đội ngũ giảng viên*” [8].

Để đảm bảo quyền tự do học thuật chúng ta cần hợp pháp hoá tự do học thuật bằng các văn bản pháp quy của nhà nước và nuôi dưỡng tinh thần học thuật trong các trường đại học. Quyền tự do học thuật của giảng viên được công nhận trong cả hai lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy. Nhưng việc thực hiện quyền này ở các đại học nước ta còn nhiều vướng mắc do ảnh hưởng từ các yếu tố kinh tế, chính trị, cơ chế quản lý và từ chính tâm lý nhận thức của giảng viên. Muốn gỡ bỏ các vướng mắc này, trước nhất cần nâng cao nhận thức của giảng viên về tự do học thuật và quyền tự do học thuật. Một quyền lợi chỉ được bảo vệ tối ưu nhất khi chúng ta hiểu biết về nó. Thứ hai, nhà nước và các trường đại học nước ta cần tạo điều kiện tối ưu cho sự phát triển của giảng viên, tạo điều kiện để nuôi dưỡng tinh thần học thuật của giảng viên. Điều kiện đầu tiên, là cần đảm bảo về kinh tế, đảm bảo nguồn thu nhập của giảng viên phải đáp ứng được nhu cầu cơ bản của cuộc sống, có vậy thì giảng viên mới chuyên tâm cho học thuật, mới “vô lo vô nghĩ” cống hiến cho nghiên cứu khoa học. Điều kiện thứ hai là xây dựng môi trường khoa học lành mạnh trong các cơ sở đại học. Bởi “*môi trường khoa học lành mạnh là điều kiện tiên quyết cho sự trưởng thành của các nhà khoa học trẻ. Môi trường khoa học lành mạnh chính là nơi học thuật và đạo đức trong học thuật luôn được xếp vị trí đầu tiên cùng với sự bình đẳng giữa các nhà khoa học không phân biệt già trẻ, cũng như sự tự do tuyệt đối trong nghiên cứu khoa học*” [23, tr. 474]. Thứ ba, cần xây dựng sự kết nối giữa nghiên cứu khoa học và giảng dạy, cần tạo điều kiện để các kết quả nghiên cứu khoa học được giới thiệu rộng rãi đến các sinh viên, bồi dưỡng tinh thần khoa học sinh viên và nuôi dưỡng ý thức học thuật từ những mầm khoa học trẻ.

Tuy nhiên chúng ta cần phải có nhận thức đúng đắn về tự do học thuật để đảm bảo cho nó được tồn tại và phát triển trong môi trường giáo dục đại học. *Trước nhất*, cần nhận thức rõ rằng quyền tự do học thuật không phải là tồn tại tuyệt đối. Tự do học thuật là nền tảng của hệ thống giáo dục đại học, gắn liền với tự chủ đại học, do đó nó phải tuân thủ các quy luật và chịu sự tác động của các yếu tố bên ngoài tác động đến quá trình phát triển đại học. *Thứ hai*, từ quy luật phát

triển của trường đại học, chúng ta dễ dàng nhận thấy, điều kiện để một trường đại học tồn tại không chỉ nằm ở bản chất học thuật mà còn phụ thuộc vào chức năng dịch vụ xã hội của đại học đó. Trường đại học phải phục vụ xã hội, phục vụ lợi ích chung của nhân loại. Do đó được hưởng quyền tự do học thuật đồng nghĩa các trường đại học cũng phải thực hiện nghĩa vụ học thuật của mình với xã hội. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế tri thức hiện nay, giá trị kinh tế và xã hội của GDĐH ngày càng nổi bật, vai trò hỗ trợ của GDĐH trong phát triển kinh tế và xã hội ngày càng rõ ràng và được quan tâm. GDĐH ngày càng được tăng cường đầu tư và hỗ trợ, ngược lại GDĐH cũng phải đảm đương nhiều trách nhiệm xã hội hơn để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sự phát triển kinh tế và xã hội.

4. Kết luận

Mục tiêu của bài viết là làm rõ ý nghĩa nội hàm của tự do học thuật đối với sự phát triển của giáo dục đại học và đề xuất một vài ý kiến để đảm bảo quyền tự do học thuật của giảng viên trong bối cảnh xây dựng, đổi mới các trường đại học ở nước ta. Nghiên cứu đã làm rõ nội hàm và ý nghĩa của tự do học thuật. Từ góc nhìn lịch sử có thể khẳng định tự do học thuật là một thành tố không thể thiếu cho một đại học hiện đại. Có tự do học thuật các học giả mới có quyền theo đuổi những ý tưởng nghiên cứu nhất quán với sứ mệnh của đại học; có tự do học thuật, các nghiên cứu mới được tự do trình bày, tranh luận và bộc lộ tối ưu các giá trị của nó. Trong bối cảnh các trường đại học nước ta đang quá độ từ “tập trung” sang “tự chủ”, tự chủ đại học phải đảm bảo quyền tự do học thuật, việc đảm bảo thực hiện quyền tự do học thuật sẽ tạo động lực để các trường đại học chủ động, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục của mình. Thông qua thực tiễn hoạt động của các trường đại học và việc thực hiện tự chủ đại học ở nước ta hiện nay đến xem, việc thực hiện tự do học thuật ở nước ta còn nhiều khó khăn. Để đảm bảo quyền tự do học thuật trong trường đại học, chúng ta nâng cao nhận thức về tự do học thuật cho giảng viên và tạo các điều kiện tối ưu để xây dựng một “môi trường khoa học lành mạnh”, nuôi dưỡng tinh thần học thuật. Tuy nhiên, việc tìm hiểu thực trạng thực hiện quyền tự do học thuật đối với giảng viên đại học ở nước ta trong bài viết còn tương đối sơ sài, cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn để làm rõ hơn nữa cơ sở thực tiễn cho các biện pháp bảo đảm quyền tự do học thuật trong các trường đại học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] C. D. Vu and T. N. A. Nguyen, “Different Approaches to Establishing University Autonomy in Vietnam,” *VNU Journal of Science*, vol. 35, no. 4, pp. 38-43, 2019.
- [2] D. N. Le and H. T. Pham, “Ensure the exercise of autonomy and social responsibility of the Vietnamese higher education system,” *VNU Science Journal*, vol. 32, no. 3, pp. 74-85, 2016.
- [3] T. D. Bui, “Academic freedom in higher education,” *Journal of Legislative Studies*, vol. 409, no. 9, pp. 3-9, 2020.
- [4] National Assembly, *Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Higher Education*, Law No. 34/2018/QH14, November 19, 2018.
- [5] Government, *Decree guiding the implementation of the revised Law on Higher Education*, Decree No. 99/2019/ND-CP, December 30, 2019.
- [6] Q. T. Lam, “Autonomy, academic freedom and responsibility of universities in Vietnam,” 2016. [Online]. Available: <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/tu-chu-tu-do-hoc-thuat-va-trach-nhiem-giai-trinh-cua-dai-hoc-o-viet-nam-post166437.gd>. [Accessed July 13, 2023].
- [7] T. M. P. Bui and T. T. T. Luu, “Academic Freedom in Universities in America and Japan: Some Suggestions for Vietnam,” *Journal of Social Science Information*, no. 11, pp. 19-26, 2018.
- [8] T. N. Q. Do, “Academic autonomy and freedom in Vietnamese higher education,” 2019. [Online]. Available: <http://www.tiasang.com.vn/-giao-duc/Tu-chu-va-tu-do-hoc-thuat-trong-giao-duc-dai-hoc-Viet-Nam-18517>. [Accessed July 13, 2023].
- [9] M. H. Nguyen, “State’s policies on university autonomy and the actual capacity of Vietnam’s current higher education system,” *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: “Higher education autonomy – from policy to practice,”* Hanoi, 2020, pp. 315-339.

-
- [10] T. T. T. Chu, "Some solutions to promote the process of autonomy in public higher education in Vietnam today," *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: "Higher education autonomy – from policy to practice,"* Hanoi, 2020, pp. 361-374.
- [11] X. X. Nguyen, *University: Higher Education Institutions Changing the World from the Middle Ages to the Modern*. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2019.
- [12] G. L. Zhou, "Academic Freedom and Decision - Making Right of Running Universities," *Science and Technology Review*, no. 6, pp. 28-32, 2002.
- [13] B. K. Zhang, "The Influence of Human Factors on the Development of Universities," *Foreign Educational Trends*, no. 1, p. 17, 1988.
- [14] L. Chen and T. H. Yu, "Comments on Western Academic Freedom," *Higher Education Research*, no. 2, p. 101, 1998.
- [15] V. T. Ho and Q. T. Tran, "Higher education autonomy – Some issues from a development perspective," *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: "Higher education autonomy – from policy to practice,"* Hanoi, 2020, pp. 143-147.
- [16] Q. K. Nguyen, "On reforming educational management," *Vietnam Journal of Educational Sciences – VJES*, no. 40, pp. 5-9, 2009.
- [17] National Assembly, *Law on Higher Education, Law No. 08/2012/QH13*, June 18, 2012.
- [18] V. T. Dinh and D. C. Nguyen, "The impact of globalization on Vietnamese higher education," *Vietnam Journal of Educational Sciences – VJES*, vol. 18, no. S1, pp. 26-30, 2022.
- [19] D. V. Nguyen and V. C. Nguyen, "Research to assess the current status of the mode of autonomy in higher education in the locality - from mechanism to practice," *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: "Higher education autonomy – from policy to practice,"* Hanoi, 2020, pp. 175-180.
- [20] T. H. T. Nguyen, "University autonomy seen from the world and Vietnam's reality in the current context," *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: "Higher education autonomy – from policy to practice,"* Hanoi, 2020, pp. 491-500.
- [21] T. N. Tran, "Academic freedom of faculty in scientific research," 2022. [Online]. Available: <https://www.zun.vn/tai-lieu/tu-do-hoc-thuat-cua-giang-vien-trong-nghien-cuu-khoa-hoc-58630/>. [Accessed August 10, 2023].
- [22] T. N. Nguyen, "The key factor for the success of higher education autonomy in Vietnam," *Proceedings of the Vietnam Education Conference 2020: "Higher education autonomy – from policy to practice,"* Hanoi, 2020, pp. 213-218.
- [23] B. C. Ngo, D. Pierre, H. T. Cao, T. Hoang, X. X. Nguyen, and X. Y. Pham, *200 years of Humboldt University (1810-2010): World Experience and Vietnam*. Hanoi: Knowledge Publisher, 2011.